

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Trang bị điện trong máy cắt kim loại (228197) - Nhóm 01**

CBGD: **Trần Thế Hoàng (280004)**

Số SV có mặt: 16

Số bài thi: 16

Số tờ giấy thi: 16

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>Phạm Thị</i>	<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>Phạm Thị</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121030020	NGUYỄN KHẮC AN	08/10/2003	CCQ2103A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121030022	ĐỖ CHÍ BẢO	21/05/2003	CCQ2103A			<i>Bảo</i>	8,5	8,5	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121030026	NGUYỄN VĂN BẮC	31/01/2003	CCQ2103A			<i>Bắc</i>	8,3	7,5	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121030005	HỒ LÊ CẢNH	10/12/2003	CCQ2103A			<i>Cảnh</i>	7,6	8,0	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121030002	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	24/05/2003	CCQ2103A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121030014	TRẦN LÊ HOÀNG ĐỨC	02/03/2003	CCQ2103A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121030006	NGUYỄN NGỌC HIỀN	08/04/2003	CCQ2103A			<i>Hiền</i>	5,9	8,5	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121030025	NGUYỄN VĂN HIẾU	20/06/2003	CCQ2103A			<i>Hiệu</i>	5,8	6,0	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
9	2121030023	NGÔ CẨM HUY	25/10/2003	CCQ2103A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121030021	NGÔ QUANG HUY	25/06/2003	CCQ2103A			<i>Huy</i>	7,9	7,0	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121030155	LÊ NGUYỄN NINH HƯNG	29/09/2000	CCQ2103A			<i>Hưng</i>	8,7	9,0	8,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
12	2121030030	NGUYỄN TẤN KHẢ	01/10/2003	CCQ2103A			<i>Khả</i>	5,8	8,5	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121030009	ĐỒNG SĨ KHANG	26/12/2003	CCQ2103A			<i>Kháng</i>	9,0	8,5	8,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121030010	ĐẶNG VĂN KHOA	07/04/2003	CCQ2103A			<i>Phước</i>	9,0	9,0	9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121030159	NGUYỄN ANH KHOA	03/03/2001	CCQ2103A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121030018	PHẠM VĂN KHOA	16/07/2003	CCQ2103A			<i>Anh Khoa</i>	8,2	9,0	8,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121030032	CAO ĐỨC LÂM	14/10/2003	CCQ2103A			<i>Lâm</i>	7,3	7,5	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121030015	NGUYỄN HOÀNG LỰC	29/08/2003	CCQ2103A			<i>Lực</i>	8,6	9,0	8,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121030034	VÕ VĂN MÃI	08/02/2003	CCQ2103A			<i>Mãi</i>	5,2	5,0	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121030158	TRẦN THẾ MỸ	04/02/2003	CCQ2103A			<i>Mỹ</i>	8,0	9,0	8,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Trang bị điện trong máy cắt kim loại (228197) - Nhóm 01**

CBGD: **Trần Thế Hoàng (280004)**

Số SV có mặt: 16
Số bài thi: 16
Số tờ giấy thi: 16

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i> Trần Thế Hoàng	<i>[Signature]</i> PT Sưu	<i>[Signature]</i> Trần Thế Hoàng	<i>[Signature]</i> PT Sưu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121030035	PHẠM THANH NHẤT	24/12/2003	CCQ2103A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2118030169	ĐÀO PHI NHẬT	17/04/2000	CCQ1803C							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121030001	CAO THÀNH NIÊN	25/03/2003	CCQ2103A			<i>[Signature]</i>	8,4	9,0	8,8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121030024	NGUYỄN THIÊN PHÚ	03/05/2003	CCQ2103A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Trang bị điện trong máy cắt kim loại (228197) - Nhóm 02**

CBGD: **Trần Thế Hoàng (280004)**

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>PT</i>	<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>PT</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121030051	NGUYỄN MINH CHÁNH	02/05/2001	CCQ2103B							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121030065	PHẠM HỒNG CHÍNH	05/02/2003	CCQ2103B			<i>Chính</i>	7,3	4,0	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121030068	LÊ ĐÌNH CHƯƠNG	06/05/2003	CCQ2103B			<i>Chương</i>	8,7	9,0	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121030056	PHẠM NHẬT CÔNG DANH	04/08/2003	CCQ2103B			<i>Danh</i>	8,7	8,0	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121030151	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	22/02/2001	CCQ2103B			<i>Dương</i>	8,5	9,0	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121030064	DƯƠNG VĂN ĐẠT	20/08/2003	CCQ2103B							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121030063	LÊ TUẤN ĐẠT	13/09/2003	CCQ2103B			<i>Đạt</i>	8,1	6,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121030168	NGUYỄN HOÀNG HẢI	12/12/2001	CCQ2103B			<i>Hải</i>	7,2	8,0	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121030040	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/09/2002	CCQ2103B			<i>Hiếu</i>	7,0	7,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121030039	NGUYỄN VĂN HIẾU	20/10/2003	CCQ2103B			<i>Hiếu</i>	8,0	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121030060	NGUYỄN HỮU HƯNG	04/12/2003	CCQ2103B							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121030016	NGUYỄN THÁI QUỲNH	01/11/2003	CCQ2103A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121030003	TRẦN VĂN THI	13/02/2002	CCQ2103A			<i>Thi</i>	8,8	9,0	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121030019	TRẦN VĂN THÔNG	23/09/2003	CCQ2103A			<i>Thông</i>	7,6	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121030011	LÊ ANH TÍNH	12/01/2003	CCQ2103A			<i>Tính</i>	6,4	7,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121030033	LÊ THANH TOÀN	25/05/2003	CCQ2103A			<i>Toàn</i>	7,9	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121030012	TRẦN VĂN TRIỀU	20/04/2003	CCQ2103A			<i>Triều</i>	8,2	8,0	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121030027	HUỖNH HỮU TRỌNG	07/01/2003	CCQ2103A			<i>Trọng</i>	8,2	8,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121030008	NGUYỄN VĂN TRUNG	05/06/2003	CCQ2103A			<i>Trung</i>	8,8	9,0	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121030029	LÝ ĐÌNH TRƯƠNG	24/10/2003	CCQ2103A			<i>Trương</i>	8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Trang bị điện trong máy cắt kim loại (228197) - Nhóm 02**

CBGD: **Trần Thế Hoàng (280004)**

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Trần Thế Hoàng	Trần Thế Hoàng	Trần Thế Hoàng	Trần Thế Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121030031	LÊ CÔNG TY	16/01/2003	CCQ2103A				8,0	8,0	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121030013	HUỖNH LONG VŨ	30/08/2003	CCQ2103A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121030017	TRẦN QUỐC VƯƠNG	26/09/2003	CCQ2103A				8,1	8,5	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Trang bị điện trong máy cắt kim loại (228197) - Nhóm 03**

CBGD: **Trần Thế Hoàng (280004)**

Số SV có mặt: 21
Số bài thi: 21
Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>Trần Thế Hoàng</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120030079	VÕ VĂN HUỖNH	13/12/2002	CCQ2003C			<i>Huỳnh</i>	6,6	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121030037	LÊ VĂN HƯNG	19/10/2003	CCQ2103B			<i>Hưng</i>	7,5	6,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121030049	PHẠM KHẢI	05/03/2003	CCQ2103B			<i>Khải</i>	7,6	8,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121030043	LÊ BẢO KIẾN	17/08/2003	CCQ2103B			<i>Kiến</i>	8,2	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121030054	PHAN KHẮC LINH	03/03/2003	CCQ2103B			<i>Linh</i>	8,6	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120030084	LÊ VĂN LUÂN	29/08/2002	CCQ2003C			<i>Luân</i>	8,5	9,0	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121030059	TRẦN VĂN LUẬN	03/01/2003	CCQ2103B			<i>Luận</i>	8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121030046	NGUYỄN THÀNH NGUYỄN	10/06/2003	CCQ2103B			<i>Thành</i>	8,1	9,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121030047	PHẠM NGUYỄN HOÀNG NHÂN	30/06/2003	CCQ2103B			<i>Nhân</i>	8,6	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121030038	NGUYỄN TẤN PHÁT	30/08/2003	CCQ2103B			<i>Phát</i>	8,6	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121030044	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	01/02/2003	CCQ2103B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121030153	LÂM QUANG QUÝ	23/03/2003	CCQ2103B			<i>Quý</i>	8,7	9,0	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121030048	NGUYỄN VĂN SĨ	10/01/2003	CCQ2103B			<i>Sĩ</i>	7,5	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121030045	LÊ VĂN SỸ	30/12/2003	CCQ2103B			<i>Sỹ</i>	8,7	8,0	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121030061	TRÀ MINH THIÊN	08/07/2003	CCQ2103B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121030070	NGUYỄN QUANG THỊNH	18/04/2003	CCQ2103B			<i>Thịnh</i>	7,9	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121030053	NGÔ ĐỨC THUẬN	13/12/2003	CCQ2103B			<i>Thuận</i>	8,6	9,0	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121030036	MIẾU VĂN TRÊN	20/10/2001	CCQ2103B			<i>Trên</i>	7,9	9,0	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121030042	LƯƠNG BÁ TRỌNG	15/12/2003	CCQ2103B			<i>Trọng</i>	8,6	9,0	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121030069	PHAN QUỐC TRUNG	06/01/2003	CCQ2103B			<i>Trung</i>	8,8	8,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Trang bị điện trong máy cắt kim loại (228197) - Nhóm 03**

CBGD: **Trần Thế Hoàng (280004)**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>Trần Thế Hoàng</i>	<i>Trần Thế Hoàng</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121030041	LƯU NHỰT TRƯỜNG	03/05/2003	CCQ2103B			<i>Gruong</i>	8,2	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121030052	NGUYỄN THẾ VINH	30/04/2003	CCQ2103B			<i>vinh</i>	8,4	6,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121030058	PHẠM PHƯỚC VINH	27/10/2003	CCQ2103B			<i>vinh</i>	8,2	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9